

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **52/NQ-CP**

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số
giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Trên cơ sở ý kiến của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước. Với sự quan tâm của Đảng và Chính phủ những năm qua nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đã có bước phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo vùng dân tộc và miền núi. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế, bên cạnh những thành tựu đạt được, nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém: Lao động dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật rất thấp, chủ yếu là lao động giản đơn và chưa qua đào tạo; nhận thức, kỹ năng sống, khả năng thích ứng môi trường mới còn hạn chế; tác phong và kỷ luật lao động của nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập; số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu thực tiễn.

Những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số là do đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở miền núi, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng thường xảy ra thiên tai, tỷ lệ hộ nghèo cao, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu. Các chính sách trực tiếp và gián tiếp liên quan đến phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đủ nguồn lực để phát triển.

Để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, nâng cao dân trí góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, Chính phủ đã thảo luận và quyết nghị về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu:

Nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai; xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Nâng cao thể lực:

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến 2020 xuống 25‰, năm 2030 là 14‰; trong đó, ở 02 vùng trọng điểm miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, XTiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng (sau đây gọi tắt là nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp) tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi năm 2020 tối đa là 26‰ và 2030 là 15‰. Phấn đấu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 73 tuổi, năm 2030 khoảng 75 tuổi gần với tuổi thọ bình quân quốc gia;

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 còn 29% và 2030 xuống 19%; trong đó ở nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020 tối đa là 30% và năm 2030 còn 20%.

b) Phát triển trí lực

- Đến năm 2020, có ít nhất 25% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 75% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 97%, trung học cơ sở 93% và 50% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi gần với mức bình quân của cả nước ở tất cả các cấp học;

- Phần đầu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng) đạt từ 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số), nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực rất thấp đạt tối thiểu 130 sinh viên/vạn dân; năm 2030 đạt từ 200 - 250 sinh/vạn dân;

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phần đầu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 đạt trên 30%, nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp đạt tối thiểu 25%; phần đầu năm 2030 tỷ lệ tương ứng là 50% và trên 45%.

c) Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường:

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số;

- Đến năm 2020, phần đầu có 50%, năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

a) Mở rộng các trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo; tổ chức liên thông trung học cơ sở và trung học phổ thông tại trường dân tộc nội trú cấp huyện; củng cố, mở rộng các trường (khoa) dự bị đại học, nâng cao chất lượng đào tạo hệ dự bị đại học cho học sinh dân tộc thiểu số để bảo đảm chất lượng đào tạo đại học người dân tộc thiểu số; phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số; tăng cường đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường, điểm trường có nhiều học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh các dân tộc rất ít người theo học;

b) Nâng mức học bổng học sinh dân tộc nội trú và định mức hỗ trợ học sinh bán trú phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của Ngân sách nhà nước;

c) Người dân tộc thiểu số trong nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp học cao học, nghiên cứu sinh được miễn học phí, giáo trình, tài liệu học tập và hỗ trợ tiền ăn, ở hàng tháng (trong thời gian học thực tế) bằng mức lương cơ sở.

2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe:

a) Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế;

b) Trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn: từ sơ sinh đến 2 tuổi được ưu tiên hỗ trợ để bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ sung hợp lý từ sau 6 tháng và bú mẹ kéo dài đến 2 tuổi; nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí” cho trẻ em từ 2 đến 3 tuổi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của Ngân sách nhà nước;

c) Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người dân tộc thiểu số trong giai đoạn mang thai; nghiên cứu sửa đổi theo hướng nâng cao định mức hỗ trợ đội ngũ cô đỡ thôn bản người dân tộc thiểu số.

3. Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm:

a) Rà soát danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số và đặc điểm vùng miền; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, nghề trọng điểm theo các cấp độ và các trường, khoa giáo dục nghề nghiệp nội trú cho người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng dân tộc thiểu số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành Trung ương:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung những chính sách, chương trình, dự án nhằm góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết; xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Ủy ban Dân tộc:

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ giúp Chính phủ chỉ đạo, quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công Thương và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn cơ chế, chính sách quản lý, triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch vốn hàng năm, 5 năm thực hiện Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các Bộ, ngành liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số để đạt được các mục tiêu của Nghị quyết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết ở các địa phương; tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, kế hoạch vốn, tổng hợp vốn thực hiện Nghị quyết vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung Nghị quyết theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính; giám sát chi tiêu, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn và một số vùng trọng điểm: đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, miền núi phía Bắc và các huyện phía tây tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Bộ quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Mục 1, Phần III của Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Bộ được giao quản lý.

d) Bộ Y tế:

- Nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Bộ quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe được quy định tại Mục 2, Phần III của Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Bộ được giao quản lý.

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ) và Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Bộ quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm được quy định tại Mục 3, Phần III của Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Bộ được giao quản lý.

e) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Đẩy mạnh truyền thông về các nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung một số chính sách hiện hành do Bộ quản lý; hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù trong Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Bộ được giao.

g) Bộ Quốc phòng:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số; nghiên cứu xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

i) Bộ Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

2. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia triển khai các nhiệm vụ, hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được mục tiêu của Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm thực hiện Nghị quyết. Căn cứ mục tiêu, các nội dung Nghị quyết để nghiên cứu, ban hành, bổ sung chính sách phù hợp; đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách địa phương, khuyến khích thực hiện định mức cao hơn để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn;

- Chỉ đạo, tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực và các chính sách hiện hành, trong đó tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của địa phương; hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ, ngành liên quan tổng hợp báo cáo Chính phủ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b)

365



Nguyễn Xuân Phúc